CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX ***GELEX ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY*** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness*** ----------
Số/No: 114/2026/GE - CBTT	*Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026* *Hanoi, August 28, 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;**
- **Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

To: - ***State Securities Commission of Vietnam***
- ***Hochiminh Stock Exchange***

1. **Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Điện lực GELEX** (GELEX ELECTRIC)
Name of organization: GELEX Electricity Joint Stock Company

- Mã chứng khoán / *Stock code: GEE*
- Địa chỉ: Số 52 phố Lê Đại Hành, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Address: No. 52 Le Dai Hanh Street, Hai Ba Trung ward, Hanoi city.
- Điện thoại liên hệ/*Tel*: 024 73012344 Fax: 024 36331510
- E-mail: ge@gelex-electric.com

2. **Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure:***
GELEX ELECTRIC trân trọng công bố: Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét và Văn bản Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng năm 2026 so với 6 tháng năm 2025
GELEX ELECTRIC respectfully disclosure information: The reviewed interim Separate Financial Statements for the for the 6 – month period ended 30 June 2026 and Explanation of changes in profit after tax in the reviewed interim financial statements for the six-month period ended June 30, 2026 compared to the six-month period ended June 30, 2025.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2026 tại đường dẫn: https://gelex-electric.com/doc-cat/bao-cao-tai-chinh
This information was published on the company's website on 28/08/2026, as in the link: https://gelex-electric.com/en/document-cat/financial-reports

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

We commit that the information published above is true and take full legal responsibility for its content.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2026 đã được soát xét/ *The reviewed interim Separate Financial Statements for the for the 6 – month period ended 30 June 2026*
- Văn bản Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng năm 2026 so với 6 tháng năm 2025./ *Explanation of changes in profit after tax in the reviewed interim financial statements for the six-month period ended June 30, 2026 compared to the six-month period ended June 30, 2025.*

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

GELEX ELECTRICITY JOINT STOCK COMPANY

Người ủy quyền công bố thông tin

Person authorized to disclose information

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

Nguyễn Thị Quyên

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX
DN: C=VN, S=Thành phố Hà Nội, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0107547109
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 14:32:29+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 13.0.1

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN LỰC GELEX
GELEX ELECTRICITY JSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2026
Hanoi, August 27, 2026

Số/No: 112/GE-TGĐ
V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng năm 2026 so với 6 tháng năm 2025
Re: Explanation of changes in profit after tax in the reviewed interim financial statements for the six-month period ended June 30, 2026 compared to the six-month period ended June 30, 2025

Kính gửi/To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ ***The State Securities Commission***
Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh/ ***Hochiminh City Stock Exchange***

- *Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*
  Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance providing guidance on information disclosure on the securities market;
- *Căn cứ Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX.*
  Pursuant to the reviewed separate and consolidated interim financial statements for the six-month period ended June 30, 2026 of GELEX Electricity Joint Stock Company.

Công ty Cổ phần Điện lực GELEX - mã chứng khoán GEE giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng năm 2026 so với 6 tháng năm 2025 như sau:

GELEX Electricity Joint Stock Company - stock code GEE hereby explains the changes in profit after corporate income tax in the reviewed interim financial statements for the six-month period ended June 30, 2026 compared to the six-month period ended June 30, 2025 as follows:

STT ***No.***	**Chỉ tiêu** **Items**	**ĐVT** ***Unit***	**Báo cáo hợp nhất** ***Consolidated financial statements***	**Báo cáo Riêng** ***Separate financial statements***
1	Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2026 *Profit after tax for the six-month period ended June 30, 2026*	Tỷ đồng *VND billion*	1.351	1.017
2	Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2025 *Profit after tax for the six-month period ended June 30, 2025*	Tỷ đồng *VND billion*	1.053	1.232
3	Biến động so với cùng kỳ năm trước *Variance compared to the same period last year*	Tỷ đồng *VND billion*	298	-215
4	Tỷ lệ biến động so với cùng kỳ năm trước *Variance percentage compared to the same period last year*	%	28,3%	-17,5%

I. Báo cáo tài chính hợp nhất/ *Consolidated financial statements:*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng năm 2026 tăng 298 tỷ đồng, tương ứng tăng 28,3% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

Profit after corporate income tax for the six-month period ended June 30, 2026 increased by VND 298 billion, equivalent to an increase of 28.3% compared to the same period last year, mainly due to the following reasons:

- Lợi nhuận gộp tăng 514 tỷ đồng, chủ yếu nhờ doanh thu thuần tăng 4.831 tỷ đồng, tương ứng tăng 41% so với cùng kỳ năm trước;

  Gross profit increased by VND 514 billion, mainly driven by a VND 4,831 billion increase in net revenue, equivalent to a 41% increase compared to the same period last year.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng gần 63 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí nhân công tăng; đồng thời, chi phí khác tăng 69 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước;

  Selling and general administrative expenses increased by nearly VND 63 billion, mainly due to higher outsourced service costs and labour expenses; other expenses also increased by VND 69 billion compared to the same period last year.

- Theo đó, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tăng 77 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

  Accordingly, corporate income tax expense increased by VND 77 billion compared to the same period last year.

II. Báo cáo tài chính riêng/ *Separate financial statements:*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng năm 2026 giảm 215 tỷ đồng, tương ứng giảm 17,5% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do các nguyên nhân sau:

Profit after corporate income tax for the six-month period ended June 30, 2026 decreased by VND 215 billion, equivalent to a decrease of 17.5% compared to the same period last year, mainly due to the following reasons:

- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 174 tỷ đồng, chủ yếu do cổ tức, lợi nhuận được chia giảm 226 tỷ đồng; phần giảm này được bù đắp một phần bởi lãi cho vay tăng 52 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước;

  Financial income decreased by VND 174 billion, mainly due to a VND 226 billion decrease in dividends and profit distributions received; this decrease was partially offset by a VND 52 billion increase in loan interest income compared to the same period last year.

- Chi phí hoạt động tài chính tăng 32 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí đi vay và các chi phí liên quan đến khoản vay tăng;

  Financial expenses increased by VND 32 billion, mainly due to higher borrowing costs and loan-related expenses.

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 7,4 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí nhân sự và chi phí tài trợ phát sinh trong kỳ tăng;

  Selling and general administrative expenses increased by VND 7.4 billion, mainly due to higher personnel expenses and sponsorship expenses incurred during the period.

Trân trọng báo cáo./.
Respectfully submitted.

Nơi nhận/Recipients:
- Như trên/ *As above*;
- Lưu: VT, Ban TCKT/ *Filed at: Clerical Office, Finance & Accounting Department*

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

Nguyễn Trọng Trung
Nguyen Trong Trung

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong kỳ và đến ngày phê duyệt báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch
Ông Đặng Phan Tường	Thành viên
Ông Đỗ Duy Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Luyện	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Trung	Tổng Giám đốc
Bà Lê Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Đào Viết Đỉnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Bùi Thị Trang	Thành viên Ban Kiểm soát

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0107647109 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2026

Deloitte.

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza
16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ
Thành phố Hà Nội
Việt Nam
Điện thoại: +84 24 710 50000
www.deloitte.com/vn

Số: 0288 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực GELEX

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (gọi tắt là "Công ty"), được phê duyệt ngày 27 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Deloitte là tên gọi dùng để chỉ Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL"), hoặc mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu, và các đơn vị liên quan của các hãng thành viên (gọi chung là "Tổ chức Deloitte"). DTTL (hay còn gọi là "Deloitte Toàn cầu") và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan là các pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không chịu trách nhiệm hoặc bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan chỉ chịu trách nhiệm cho các hành vi và thiếu sót của riêng mình, không chịu trách nhiệm cho hành vi hoặc thiếu sót của các bên còn lại. DTTL không cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Vui lòng truy cập www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

M.S.D.N: 0100112500-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0036-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 27 tháng 8 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Phân loại lại)
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**1.797.377.415.333**	**2.032.084.293.382**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5**	**52.746.134.478**	**274.669.193.117**
1.	Tiền	111		52.746.134.478	44.669.193.117
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	230.000.000.000
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**	**6**	**1.532.173.107.824**	**1.688.242.390.579**
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		1.532.173.107.824	1.688.242.390.579
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**161.498.749.523**	**62.383.682.324**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	140.907.438.500	39.349.048.605
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.893.798.481	10.740.549.226
3.	Phải thu ngắn hạn khác	135	8	12.324.972.945	12.921.544.896
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136		(627.460.403)	(627.460.403)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**9**	**48.507.571.582**	**3.182.271.741**
1.	Hàng tồn kho	141		48.507.571.582	3.182.271.741
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**160**		**2.451.851.926**	**3.606.755.621**
1.	Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	10	2.130.556.059	1.339.295.092
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		58.131.361	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	17	263.164.506	2.267.460.529
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**6.243.192.862.580**	**6.259.007.951.322**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**10.000.000**	**10.000.000**
1.	Phải thu dài hạn khác	215	8	10.000.000	10.000.000
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**9.344.931.977**	**11.974.639.824**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.467.781.520	2.341.870.492
	- Nguyên giá	*222*		*9.490.539.932*	*9.490.539.932*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(8.022.758.412)*	*(7.148.669.440)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	12	7.877.150.457	9.632.769.332
	- Nguyên giá	*228*		*17.644.588.750*	*17.644.588.750*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(9.767.438.293)*	*(8.011.819.418)*
III.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**250**		**77.050.000**	**-**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		77.050.000	-
IV.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**260**	**13**	**6.232.239.267.109**	**6.245.569.402.736**
1.	Đầu tư vào công ty con	261		5.079.634.218.727	5.091.451.443.727
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		1.183.381.258.737	1.183.381.258.737
3.	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(36.783.361.040)	(29.263.299.728)
4.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	6	6.007.150.685	-
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**270**		**1.521.613.494**	**1.453.908.762**
1.	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	10	1.521.613.494	1.453.908.762
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	**280**		**8.040.570.277.913**	**8.291.092.244.704**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**1.492.029.633.283**	**1.523.341.031.098**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**729.865.174.625**	**632.556.898.704**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	142.397.798.745	26.744.334.743
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	29.628.834.188	32.283.416.795
3.	Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		304.989.000	252.086.000
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	17	1.692.174.664	260.548.037.648
5.	Phải trả người lao động	315		3.716.907.554	3.910.761.298
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	316	16	19.861.395.711	12.118.277.479
7.	Phải trả ngắn hạn khác	320		110.486.400	31.302.900
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	18	530.899.047.202	296.360.640.680
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.253.541.161	308.041.161
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**762.164.458.658**	**890.784.132.394**
1.	Phải trả dài hạn khác	338		986.254.244	1.315.005.662
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	18	761.178.204.414	889.469.126.732
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**	**19**	**6.548.540.644.630**	**6.767.751.213.606**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		6.404.992.110.000	3.659.999.560.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*6.404.992.110.000*	3.659.999.560.000
2.	Thặng dư vốn	412		5.051.540.000	225.051.540.000
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	5.000.000.000
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		138.496.994.630	2.877.700.113.606
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*420a*		-	*722.022.124.449*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	*420b*		*138.496.994.630*	*2.155.677.989.157*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**8.040.570.277.913**	**8.291.092.244.704**

Vũ Thủy Tiên	**Nguyễn Thị Nga**	**Nguyễn Trọng Trung**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**21**	**405.640.596.146**	**637.314.452.026**
2.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)**	**10**		**405.640.596.146**	**637.314.452.026**
3.	Giá vốn hàng bán	11	22	400.139.414.325	630.419.040.041
4.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**5.501.181.821**	**6.895.411.985**
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	22	24	1.092.612.989.395	1.266.766.026.026
6.	Chi phí tài chính	23	25	55.269.813.022	22.885.233.647
	- Trong đó: Chi phí đi vay	24		*46.066.034.656*	*24.464.651.390*
7.	Chi phí bán hàng	25	26	2.160.679.262	3.322.891.939
8.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	23.569.744.712	14.963.277.515
9.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(22-23)-(25+26))**	**30**		**1.017.113.934.220**	**1.232.490.034.910**
10.	Thu nhập khác	31		2.000.036	18.000
11.	Chi phí khác	32		7.732	42.653
12.	**Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)**	**40**		**1.992.304**	**(24.653)**
13.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**1.017.115.926.524**	**1.232.490.010.257**
14.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	-
15.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)**	**60**		**1.017.115.926.524**	**1.232.490.010.257**

Vũ Thủy Tiên	**Nguyễn Thị Nga**	**Nguyễn Trọng Trung**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng giám đốc**
		Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***1.017.115.926.524***	***1.232.490.010.257***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.486.131.715	1.473.448.769
Các khoản dự phòng	03	7.520.061.312	(2.939.695.194)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(32.785.293)	18.734.170
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(1.092.575.206.596)	(1.266.255.207.712)
Chi phí đi vay	06	46.066.034.656	24.464.651.390
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***(20.419.837.682)***	***(10.748.058.320)***
Tăng các khoản phải thu	09	(96.921.691.453)	(4.463.731.749)
Tăng hàng tồn kho	10	(45.325.299.841)	(28.652.782.863)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	114.015.291.985	(2.427.737.802)
Tăng chi phí chờ phân bổ	12	(858.965.699)	(51.798.518.089)
Chi phí đi vay đã trả	14	(34.198.672.886)	(34.316.343.691)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(258.477.110.660)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(54.500.000)	(46.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(342.240.786.236)***	***(132.453.472.514)***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(77.050.000)	(2.791.410.668)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(587.094.364.291)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	735.000.000.000	200.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.213.854.544.737)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.106.556.078.642	1.272.008.020.739
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***1.254.384.664.351***	***255.362.065.334***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	49.763.600.000
2.	Tiền thu từ đi vay	33	303.788.714.708	1.720.700.368.325
3.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(202.659.008.186)	(1.059.524.031.414)
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.235.196.592.500)	(909.957.400.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(1.134.066.885.978)***	***(199.017.463.089)***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**	**(221.923.007.863)**	**(76.108.870.269)**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**274.669.193.117**	**102.846.824.847**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(50.776)	798.576
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**52.746.134.478**	**26.738.753.154**

Vũ Thủy Tiên	**Nguyễn Thị Nga**	**Nguyễn Trọng Trung**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng giám đốc**
		Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX, được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107547109 ngày 29 tháng 8 năm 2016 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 26 tháng 5 năm 2026.

Công ty có trụ sở chính tại số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán "GEE") được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 353/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 02 tháng 7 năm 2024 và đã chính thức giao dịch ngày đầu tiên tại HOSE kể từ ngày 14 tháng 8 năm 2024.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX.

Tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 51 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 23 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty và các công ty con (gọi tắt là "Nhóm công ty") là:

- Sản xuất, kinh doanh thiết bị điện bao gồm dây cáp điện; máy biến áp, động cơ điện; thiết bị điện bao gồm công tơ điện, đồng hồ Volt-ample, máy biến dòng; tủ điện và các sản phẩm khác và dịch vụ sửa chữa; và
- Mua bán và phân phối điện.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết mà Công ty nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("CADIVI") (i) (*)	Thành phố Hồ Chí Minh	97,09%	97,09%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM") (ii)	Hà Nội	76,70%	76,70%	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3.	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất dây đồng
4.	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("THIBIDI")	Đồng Nai	98,07%	98,07%	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
5.	Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC ("EMIC")	Hà Nội	90,00%	90,00%	Sản xuất và kinh doanh thiết bị đo điện gồm công tơ điện, đồng hồ Volt-Ampe, máy biến dòng, máy biến áp, tủ điện và các sản phẩm khác
6.	Công ty TNHH Công nghiệp Vật liệu GELEX (Trước đây là "Công ty TNHH Phát điện GELEX") ("GEMI") (iii)	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo và khai khoáng khác
7.	Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE ("MEE")	Hà Nội	80,84%	80,84%	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp
8.	Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX ("GETC") (iv)	Hà Nội	70,82%	70,82%	Mua bán và phân phối điện
9.	Công ty TNHH GELEX Technology	Hà Nội	51,00%	51,00%	Phát triển sản phẩm công nghệ cao

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1.	Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty Cổ phần	Hà Nội	47,00%	47,00%	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, một số công ty con của Công ty cũng sở hữu các công ty con, công ty liên kết khác với thông tin cụ thể về tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp và tỷ lệ quyền biểu quyết như sau:

(i) Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("CADIVI"):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc ("CADIVI Miền Bắc")	Bắc Ninh	100%	100%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện

(*) Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai đã được sáp nhập vào Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 và Hợp đồng sáp nhập số 01/2025/HĐSN/CADIVI ngày 25 tháng 12 năm 2025 và hoạt động dưới hình thức chi nhánh của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam – Nhà máy Cadivi Đồng Nai theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh do Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 24 tháng 11 năm 2025 – mã số chi nhánh 0300381564-014.

(ii) Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM"):

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD ("SAS")	Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng
2.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ HEM ("HEM EMM")	Hà Nội	20,00%	20,00%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

(iii) Công ty TNHH Công nghiệp Vật liệu GELEX ("GEMI"):

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Năng lượng GELEX Ninh Thuận ("GELEX Ninh Thuận")	Khánh Hòa	20%	20%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời

(iv) Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX ("GETC"):

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX Hưng Yên	Hà Nội	72,86%	72,86%	Phân phối điện

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Dữ liệu tương ứng của Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Dữ liệu tương ứng của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Một số dữ liệu tương ứng đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của Thông tư 99, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
I. Các khoản đầu tư tài chính			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	1.688.242.390.579	1.688.242.390.579
II. Các khoản phải thu ngắn hạn			
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.669.556.849.314	(1.669.556.849.314)	-
Phải thu ngắn hạn khác	31.607.086.161	(18.685.541.265)	12.921.544.896
VI. Tài sản dài hạn khác			
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	45.845.682.030	(44.391.773.268)	1.453.908.762
I. Nợ ngắn hạn			
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	-	252.086.000	252.086.000
Phải trả ngắn hạn khác	283.388.900	(252.086.000)	31.302.900
II. Nợ dài hạn			
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	933.860.900.000	(44.391.773.268)	889.469.126.732

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026. Người sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước và các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200.

Công ty đã áp dụng các thay đổi trong hướng dẫn kế toán quy định tại Thông tư 99 từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trên cơ sở phi hồi tố. Việc áp dụng các thay đổi này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các thuyết minh hoặc các số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền, ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị và không bị hạn chế sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, lãi nhận sau hoặc lãi nhận định kỳ được ghi nhận vào đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và doanh thu hoạt động tài chính tương ứng với kỳ hưởng lãi.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư vào góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư và các khoản đầu tư vào hợp đồng hợp tác kinh doanh mà Công ty không có quyền đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng tổn thất (nếu có). Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được thực hiện khi công ty nhận vốn góp đầu tư bị lỗ hoặc khoản đầu tư vào đơn vị khác bị suy giảm giá trị dẫn đến Công ty có khả năng bị mất vốn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí thu mua có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty xác định giá trị hàng xuất kho theo từng lần phát sinh để hạch toán hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán các sản phẩm đó.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý tài sản và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là trong 5 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập thuần do thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê của Công ty là thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, chi phí bảo hiểm, chi phí nội thất văn phòng, tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí chờ phân bổ khác.

Công cụ, dụng cụ xuất dùng bao gồm thiết bị văn phòng đã xuất dùng. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí nội thất văn phòng bao gồm chi phí xây dựng lắp đặt, các đồ nội thất, trang thiết bị trang trí được phân bổ trong vòng 3 đến 5 năm sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tiền thuê văn phòng là tiền thuê văn phòng tại 52 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tiền thuê văn phòng được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản chi phí chờ phân bổ khác bao gồm dịch vụ công nghệ thông tin trả trước và các khoản chi phí chờ phân bổ khác. Các chi phí này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

Phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận phản ánh số cổ tức, lợi nhuận phải trả cho các cổ đông. Các khoản phải trả cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông theo quy định của pháp luật.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ hồ sơ, chứng từ, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán.

Vay

Vay được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ đi vay trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các

khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu thành công.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Số cổ tức được công bố và chi trả từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi tuân thủ theo các quy định về kế toán và tài chính hiện hành.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Đối với bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ bán các khoản đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Giao dịch chuyển nhượng 10% phần vốn góp tại GELEX Quảng Trị đã được hoàn tất vào ngày 08 tháng 5 năm 2024. Theo điều khoản trong hợp đồng mua bán và các văn bản sửa đổi, các bên sẽ thực hiện quyết toán giá trị hợp đồng dựa trên sản lượng dài hạn của GELEX Quảng Trị được tư vấn đo đạc sau hai (02) năm kể từ ngày chuyển nhượng. Tại ngày phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa

niên độ, doanh thu tài chính từ việc chuyển nhượng được ghi nhận dựa trên giá chuyển nhượng tương ứng với sản lượng của GELEX Quảng Trị ước tính cho năm 2026. Sản lượng sẽ được xem xét tại mỗi thời điểm lập báo cáo tài chính, phần chênh lệch giữa số tiền Công ty đã nhận thanh toán và doanh thu tài chính xác định được ghi nhận trên khoản mục Người mua trả tiền trước và sẽ được quyết toán theo thời hạn nêu trên.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này, ngoại trừ số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tiền gửi. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Báo cáo tình hình tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

5. TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	14.574.845	41.756.397
Tiền gửi không kỳ hạn (i)	52.731.559.633	44.627.436.720
Tương đương tiền (ii)	-	230.000.000.000
	52.746.134.478	**274.669.193.117**

(i) Chi tiết các khoản tiền gửi không kỳ hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội	29.075.717.716	39.813.253
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	16.904.301.686	5.622.349.796
Ngân hàng khác	6.751.540.231	38.965.273.671
	52.731.559.633	**44.627.436.720**

(ii) Chi tiết các khoản tương đương tiền như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Hội sở	-	160.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch I	-	50.000.000.000
Tiền gửi dưới 03 tháng tại các ngân hàng khác	-	20.000.000.000
	-	**230.000.000.000**

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ (Phân loại lại)		
			VND			VND
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
a. Ngắn hạn						
Gốc cho vay	**1.515.651.213.605**	**1.515.651.213.605**	**-**	**1.669.556.849.314**	**1.669.556.849.314**	**-**
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX (i)	200.000.000.000	200.000.000.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư GELEX (i)	1.315.651.213.605	1.315.651.213.605	-	969.556.849.314	969.556.849.314	-
Lãi từ cho vay	**16.521.894.219**	**16.521.894.219**	**-**	**18.685.541.265**	**18.685.541.265**	**-**
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	1.191.780.822	1.191.780.822	-	13.426.027.398	13.426.027.398	-
Công ty TNHH Đầu tư GELEX	15.330.113.397	15.330.113.397	-	5.259.513.867	5.259.513.867	-
	1.532.173.107.824	**1.532.173.107.824**	**-**	**1.688.242.390.579**	**1.688.242.390.579**	**-**
b. Dài hạn						
Gốc cho vay	**6.000.000.000**	**6.000.000.000**	**-**	**-**	**-**	**-**
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX (ii)	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	-	-
Lãi từ cho vay	**7.150.685**	**7.150.685**	**-**	**-**	**-**	**-**
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	7.150.685	7.150.685	-	-	-	-
	6.007.150.685	**6.007.150.685**	**-**	**-**	**-**	**-**

(i) Phản ánh khoản cho vay có kỳ hạn 6 tháng với mục đích bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất cố định từ 6,8% - 7,5%/năm xác định tại thời điểm cho vay.

(ii) Phản ánh khoản cho vay có kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với mục đích bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ và được thanh toán hàng kỳ.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Tổng công ty Điện lực miền Bắc	61.259.048.530	-	1.812.758.850	-
Công ty Cổ phần Thiết Bị Điện	38.189.226.687	-	783.427.831	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	26.501.301.945	-	20.867.426.487	-
Khác	14.957.861.338	(627.460.403)	15.885.435.437	(627.460.403)
	140.907.438.500	**(627.460.403)**	**39.349.048.605**	**(627.460.403)**
Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 28)	79.020.929.567	-	36.908.829.352	-

Quyền thụ hưởng một số khoản phải thu được sử dụng thế chấp cho các khoản vay như được trình bày tại thuyết minh số 18.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ (Phân loại lại)	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
a. Ngắn hạn				
Phải thu tiền thuế GTGT nhập khẩu chờ hoàn	12.168.171.363	-	12.168.171.363	-
Tạm ứng	106.801.582	-	60.000.000	-
Ký cược ngắn hạn	50.000.000		10.000.000	
Các khoản phải thu khác	-	-	683.373.533	-
	12.324.972.945	**-**	**12.921.544.896**	**-**
b. Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
	10.000.000	**-**	**10.000.000**	**-**

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị dự phòng
Hàng mua đang đi đường	48.507.571.582	-	3.182.271.741	-
	48.507.571.582	**-**	**3.182.271.741**	**-**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, hàng tồn kho với giá trị khoảng 48,5 tỷ VND được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay như trình bày tại Thuyết minh số 18.

10. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Phân loại lại)
	VND	VND
a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn		
Tiền thuê văn phòng	875.850.750	605.080.980
Chi phí bảo hiểm	277.321.985	105.728.448
Chi phí liên quan đến phần mềm	485.399.208	414.958.926
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	491.984.116	213.526.738
	2.130.556.059	**1.339.295.092**
b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn		
Chi phí nội thất văn phòng	917.329.932	1.280.317.990
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	404.269.264	111.351.076
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	200.014.298	62.239.696
	1.521.613.494	**1.453.908.762**

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	**173.522.250**	**6.223.440.250**	**3.093.577.432**	**9.490.539.932**
Số dư cuối kỳ	**173.522.250**	**6.223.440.250**	**3.093.577.432**	**9.490.539.932**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu kỳ	**137.918.917**	**5.179.335.182**	**1.831.415.341**	**7.148.669.440**
Khấu hao trong kỳ	9.710.000	542.310.031	322.068.941	874.088.972
Số dư cuối kỳ	**147.628.917**	**5.721.645.213**	**2.153.484.282**	**8.022.758.412**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	**35.603.333**	**1.044.105.068**	**1.262.162.091**	**2.341.870.492**
Tại ngày cuối kỳ	**25.893.333**	**501.795.037**	**940.093.150**	**1.467.781.520**

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 với giá trị là 218.702.250 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 110.222.250 VND).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	**17.644.588.750**	**17.644.588.750**
Số dư cuối kỳ	**17.644.588.750**	**17.644.588.750**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	**8.011.819.418**	**8.011.819.418**
Hao mòn trong kỳ	1.755.618.875	1.755.618.875
Số dư cuối kỳ	**9.767.438.293**	**9.767.438.293**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	**9.632.769.332**	**9.632.769.332**
Tại ngày cuối kỳ	**7.877.150.457**	**7.877.150.457**

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 với giá trị là 88.400.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 88.400.000 VND).

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
			VND			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	**5.079.634.218.727**	**(36.783.361.040)**		**5.091.451.443.727**	**(29.263.299.728)**	
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (i)	1.635.051.441.670	-	(ii)	1.635.051.441.670	-	(ii)
Công ty Cổ phần Thiết bị điện (i)	985.139.460.770	-	(ii)	985.139.460.770	-	(ii)
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	332.061.707.611	-	(ii)	332.061.707.611	-	(ii)
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	315.538.725.000	-	(ii)	327.355.950.000	-	(ii)
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	355.644.952.503	-	(ii)	355.644.952.503	-	(ii)
Công ty TNHH Công nghiệp Vật liệu GELEX	882.715.444.864	-	(ii)	882.715.444.864	-	(ii)
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	492.219.086.309	-	(ii)	492.219.086.309	-	(ii)
Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX	55.335.000.000	(35.073.043.797)	(ii)	55.335.000.000	(28.318.376.384)	(ii)
Công ty TNHH GELEX Technology	25.928.400.000	(1.710.317.243)	(ii)	25.928.400.000	(944.923.344)	(ii)
Đầu tư vào công ty liên kết	**1.183.381.258.737**	**-**	**2.056.946.805.000**	**1.183.381.258.737**	**-**	**1.740.024.630.600**
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần (iii)	1.183.381.258.737	-	2.056.946.805.000	1.183.381.258.737	-	1.740.024.630.600
	6.263.015.477.464	**(36.783.361.040)**		**6.274.832.702.464**	**(29.263.299.728)**	

(i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty đã cầm cố 22.200.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam và 18.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện để bảo lãnh cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX – công ty mẹ của Công ty.

(ii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa niêm yết.

(iii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán UPCOM tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty TNHH Công nghiệp Vật liệu GELEX	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ, tiếp tục triển khai dự án
Công ty TNHH GELEX Technology	Hoạt động kinh doanh lỗ	Chưa thành lập
Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh - Công ty cổ phần	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con, công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 28.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thiết Bị Đo Điện EMIC	60.646.682.838	1.794.631.261
Hengtong Precision Copper Co., Ltd.	17.105.444.851	-
Henan Future New Material Science and Technology Co., Ltd.	16.925.157.398	-
BH Power Co., Limited	10.429.415.784	-
Các nhà cung cấp khác	37.291.097.874	24.949.703.482
	142.397.798.745	**26.744.334.743**
Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	60.789.097.289	1.794.631.261

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Sembcorp Solar Việt Nam	21.454.612.045	21.454.612.045
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	8.174.222.143	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	-	10.828.804.750
	29.628.834.188	**32.283.416.795**
Trong đó: Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	8.174.222.143	-

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Lãi đi vay phải trả	14.606.122.413	8.308.781.552
Khác	5.255.273.298	3.809.495.927
	19.861.395.711	**12.118.277.479**

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.267.460.529	2.208.193.561	18.952.485.810	18.902.021.579	8.802.737	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-		109.418.165	109.418.165	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	258.222.748.891	-	258.477.110.660	254.361.769	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	117.095.196	5.813.078.943	4.237.999.475	-	1.692.174.664
Các loại thuế khác	-	-	1.590.504.879	1.590.504.879	-	-
	2.267.460.529	**260.548.037.648**	**26.465.487.797**	**283.317.054.758**	**263.164.506**	**1.692.174.664**

18. VAY

	Số dư đầu kỳ (Phân loại lại)	Trong kỳ		Số cuối kỳ
	VND		VND	VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn	**162.951.940.680**	**303.788.714.708**	**202.659.008.186**	**264.081.647.202**
Vay ngân hàng (i)	162.951.940.680	303.788.714.708	202.659.008.186	264.081.647.202
Vay dài hạn đến hạn trả	**133.408.700.000**	**133.408.700.000**	**-**	**266.817.400.000**
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (ii)	133.408.700.000	133.408.700.000	-	266.817.400.000
	296.360.640.680	**437.197.414.708**	**202.659.008.186**	**530.899.047.202**
Vay dài hạn				
Vay ngân hàng (ii)	933.860.900.000	-	133.408.700.000	800.452.200.000
Phân bổ chi phí liên quan đến khoản vay	(44.391.773.268)	5.117.777.682	-	(39.273.995.586)
	889.469.126.732	**5.117.777.682**	**133.408.700.000**	**761.178.204.414**

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngân hàng ngắn hạn:

Bên cho vay	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
	VND	VND		%/năm		
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam ("HSBC Việt Nam")	115.115.458.558	52.995.476.727	Kỳ hạn vay 5 tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 19 tháng 11 năm 2026.	6,6%-7,6%	Thanh toán tiền mua hàng hóa	Quyền đòi nợ các khoản phải thu hình thành do HSBC Việt Nam tài trợ.
Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh Hà Nội	92.038.763.146	4.071.354.134	Kỳ hạn vay 5 tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 18 tháng 11 năm 2026	7,75%	Thanh toán tiền mua hàng hóa	Quyền đòi nợ các khoản phải thu hình thành do Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội tài trợ
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch 1	47.852.277.463	-	Kỳ hạn vay 6 tháng. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 7 tháng 12 năm 2026	7,0% - 7,5%	Thanh toán tiền mua hàng hóa	Các khoản phải thu, hàng tồn kho hình thành từ nguồn vốn vay của Ngân hàng (Thuyết minh số 9)
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered	9.075.148.035	-	Kỳ hạn vay 150 ngày. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 31 tháng 8 năm 2026.	7,0%	Thanh toán tiền mua hàng hóa	Các khoản phải thu hình thành từ khoản vay và Bảo lãnh vay vốn của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (Thuyết minh số 7)
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam TCB - Hội sở	-	105.885.109.819				
	264.081.647.202	**162.951.940.680**				

(ii) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngân hàng dài hạn:

Bên cho vay	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản bảo đảm
	VND	VND		%/năm		
Ngân hàng Hongkong và Thượng Hải - Chi nhánh Singapore (*)	1.067.269.600.000	1.067.269.600.000	Kỳ hạn vay 05 năm. Lãi vay trả 6 tháng/lần. Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 24 tháng 4 năm 2030.	6,45%	Mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh thông qua việc mua cổ phần Tổng công ty Thiết bị Điện Đông Anh - CTCP ("EEMC")	45.000.000 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện lực GELEX thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX và 30.000.000 Cổ phiếu Tổng Công ty Viglacera - CTCP thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX.
	1.067.269.600.000	**1.067.269.600.000**				

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, phản ánh khoản vay trung và dài hạn bằng USD được thu xếp bởi Ngân hàng Hongkong và Thượng Hải – Chi nhánh Singapore theo Hợp đồng tín dụng ngày 24 tháng 4 năm 2025 với giá trị 41,120 triệu USD, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày ký kết thỏa thuận vay, nợ gốc được thanh toán 06 tháng/lần trong 08 kỳ thanh toán với số tiền 5,14 triệu USD/kỳ, kỳ thanh toán đầu tiên vào tháng 10 năm 2026, lãi suất vay Term SOFR 6 tháng + 1,45%/năm, lãi được trả mỗi năm tính từ ngày giải ngân đầu tiên. Đồng thời, Công ty đã ký hợp đồng để hoán đổi tỷ giá và lãi suất hai đồng tiền với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank") cho hợp đồng này.

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn được trình bày như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trong vòng một năm	266.817.400.000	133.408.700.000
Trong năm thứ hai	266.817.400.000	266.817.400.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	533.634.800.000	667.043.500.000
	1.067.269.600.000	**1.067.269.600.000**

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Số dư đầu kỳ trước	**3.000.000.000.000**	**835.287.500.000**	**5.000.000.000**	**1.332.022.124.449**	**5.172.309.624.449**
Tăng vốn trong kỳ	659.999.560.000	(610.235.960.000)	-	-	49.763.600.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.232.490.010.257	1.232.490.010.257
Cổ tức công bố	-	-	-	(610.000.000.000)	(610.000.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	**3.659.999.560.000**	**225.051.540.000**	**5.000.000.000**	**1.954.512.134.706**	**5.844.563.234.706**
Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026					
Số dư đầu kỳ này	**3.659.999.560.000**	**225.051.540.000**	**5.000.000.000**	**2.877.700.113.606**	**6.767.751.213.606**
Tăng vốn trong kỳ (i)	2.744.992.550.000	(220.000.000.000)	(5.000.000.000)	(2.520.069.550.000)	(77.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.017.115.926.524	1.017.115.926.524
Cổ tức công bố (ii)	-	-	-	(1.235.249.495.500)	(1.235.249.495.500)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Số dư cuối kỳ này	**6.404.992.110.000**	**5.051.540.000**	**-**	**138.496.994.630**	**6.548.540.644.630**

(i) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2026/GE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026, và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 29/2026/NQ-HĐQT ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, theo đó, ngày 26 tháng 5 năm 2026, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 274.499.255 cổ phiếu tương đương với 2.744.992.550.000 VND vốn điều lệ tăng thêm và đã thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 13 tại ngày này.

(ii) Cổ tức công bố trong kỳ:

- Theo Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2025 bằng tiền với tỷ lệ 25% mệnh giá cổ phần và đã thực hiện tạm ứng cổ tức cho cổ đông ngày 08 tháng 4 năm 2026. Theo Nghị quyết số 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2025 bằng tiền với tỷ lệ 55% mệnh giá cổ phần, theo đó Công ty đã thực hiện chi trả đủ cổ tức cho cổ đông thông qua 2 đợt tạm ứng cổ tức và không còn chi trả thêm cổ tức năm 2025 sau thời điểm Đại hội đồng cổ đông năm 2026.
- Theo Nghị quyết số 50/2026/GE/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 5 năm 2026 Công ty tạm ứng cổ tức năm 2026 (đợt 1) tương ứng với tỷ lệ 05% mệnh giá cổ phần, Công ty thực hiện chi trả cổ tức tạm ứng vào ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(iii) Theo Nghị quyết số 02/2026/GE/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08 tháng 4 năm 2026, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã thông qua việc thực hiện trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 với số tiền 1.000.000.000 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	640.499.211	365.999.956
Cổ phiếu phổ thông	640.499.211	*365.999.956*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	640.499.211	365.999.956
Cổ phiếu phổ thông	*640.499.211*	*365.999.956*
Trong đó:		
Số lượng cổ phiếu phát hành trong kỳ	*274.499.255*	*65.999.956*

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 26 tháng 5 năm 2026, vốn điều lệ của Công ty là 6.404.992.110.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	4.864.907.600.000	75,96%	2.779.947.200.000	75,96%
Các cổ đông khác	1.540.084.510.000	24,04%	880.052.360.000	24,04%
	6.404.992.110.000	**100,00%**	**3.659.999.560.000**	**100,00%**

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoại tệ:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đô la Mỹ	1.327,38	1.359,86

Tài sản thuê ngoài:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Từ 1 đến 2 năm	2.626.878.000	2.721.395.880
	2.626.878.000	**2.721.395.880**

Cam kết về bảo lãnh

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty đã bảo lãnh cho một số hợp đồng tín dụng ngắn hạn/trung hạn, dài hạn của Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC, Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp truyền tải MEE, Công ty Dây đồng Việt Nam CFT và Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX - các công ty con của Công ty.

Số dư theo hợp đồng tín dụng của các công ty trên được Công ty bảo lãnh tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 lần lượt là 104 tỷ VND; 157 tỷ VND; 667,3 tỷ VND và 23 tỷ VND.

21. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	405.640.596.146	637.314.452.026
	405.640.596.146	**637.314.452.026**
Trong đó: Doanh thu thuần bán hàng với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	297.352.548.646	247.334.503.680

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	400.139.414.325	630.419.040.041
	400.139.414.325	**630.419.040.041**

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước (Số trình bày lại) VND
Chi phí mua hàng hóa	400.139.414.325	630.419.040.041
Chi phí nhân công	12.437.632.551	7.147.903.799
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.486.131.715	1.473.448.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.324.028.092	6.825.822.053
Chi phí khác bằng tiền	3.482.631.616	2.838.994.833
	425.869.838.299	**648.705.209.495**

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	53.162.879.796	635.240.262
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.039.412.326.800	1.265.619.967.450
Lãi chênh lệch tỷ giá	37.782.799	510.818.314
	1.092.612.989.395	**1.266.766.026.026**

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí đi vay	46.066.034.656	24.464.651.390
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	7.520.061.312	(2.939.695.194)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	675.685.453	81.864.379
Chi phí tài chính khác	1.008.031.601	1.278.413.072
	55.269.813.022	**22.885.233.647**

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	41.447.006	13.478.182
Chi phí nhân công	11.892.475.709	6.517.203.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.486.131.711	1.473.448.769
Thuế, phí, lệ phí	-	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.797.263.187	4.425.941.901
Chi phí khác bằng tiền	3.352.427.099	2.530.204.864
	23.569.744.712	**14.963.277.515**
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí nhân công	545.156.842	630.700.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.526.764.905	2.399.880.152
Chi phí khác bằng tiền	88.757.515	292.311.787
	2.160.679.262	**3.322.891.939**

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	**1.017.115.926.524**	**1.232.490.010.257**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**(1.033.291.994.197)**	**(1.263.865.145.624)**
Cộng các khoản điều chỉnh tăng:	***6.120.533.135***	**1.756.480.637**
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ này	*32.785.239*	*798.576*
- Chi phí khấu hao xe ô tô không được trừ	*342.310.031*	*342.310.031*
- Thù lao HĐQT không điều hành và ban kiểm soát	*1.216.000.000*	*450.000.000*
- Các chi phí không được trừ khác	*4.529.437.865*	*963.372.030*
Trừ các khoản điều chỉnh giảm:	**1.039.412.527.332**	**1.265.621.626.261**
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	*1.039.412.326.800*	*1.265.619.967.450*
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ trước	*200.532*	*1.658.811*
Lỗ kỳ trước chuyển sang		-
(Lỗ) tính thuế	(16.176.067.673)	(31.375.135.367)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-

Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các doanh nghiệp và đối với các loại nghiệp vụ nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế này do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Công ty con
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty con
Công ty TNHH Công nghiệp Vật liệu GELEX	Công ty con
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	Công ty con
Công ty TNHH GELEX Technology	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Cadivi Miền Bắc	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư GELEX	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần GVI	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ HEM	Công ty liên kết của Công ty con

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng hóa	**297.352.548.646**	**247.334.503.680**
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	156.759.676.034	138.633.699.482
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	104.516.697.301	66.852.286.827
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	36.076.175.311	41.848.517.371
Mua hàng hóa và dịch vụ	**109.216.874.191**	**380.186.611.150**
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	107.205.564.820	378.825.543.330
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.011.309.371	1.361.067.820
Chi hộ chi phí	**1.672.057.826**	**3.700.583.345**
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	788.690.248	808.913.075
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	353.018.809	350.322.432
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	220.939.518	218.917.234
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	254.807.619	210.317.400
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	24.267.391	21.571.014
Công ty Cổ phần Sản xuất Máy biến áp Truyền tải MEE	12.133.696	10.785.507
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	3.033.424	8.089.133
Công ty TNHH MTV CADIVI Miền Bắc	9.100.273	8.089.133
Công ty TNHH Công nghiệp Vật liệu GELEX	3.033.424	2.696.380
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	3.033.424	2.696.380
Công ty TNHH GELEX Technology	-	2.042.007.397
Công ty TNHH MTV CADIVI Đồng Nai	-	16.178.260

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu hộ chi phí	**4.280.000.000**	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	4.280.000.000	-
Cho vay	**587.094.364.291**	-
Công ty TNHH Đầu tư GELEX	381.094.364.291	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	6.000.000.000	-
Đi vay	-	**385.000.000.000**
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	-	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	-	35.000.000.000
Thu hồi gốc vay	**735.000.000.000**	**200.000.000.000**
Công ty Cổ phần Hạ Tầng GELEX	700.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư GELEX	35.000.000.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	200.000.000.000
Trả gốc vay	-	**825.000.000.000**
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	290.000.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	-	170.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	-	165.000.000.000
Lãi cho vay	**50.968.059.713**	**246.575.342**
Công ty TNHH Đầu tư GELEX	41.223.648.753	-
Công ty Cổ phần Hạ Tầng GELEX	9.737.260.275	-
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	7.150.685	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	246.575.342
Chi phí đi vay	-	**13.053.561.640**
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	4.146.575.342
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	4.589.178.082
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	-	3.116.438.357
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	-	1.201.369.859
Cổ tức đã công bố	**1.028.916.030.000**	**524.991.200.000**
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	938.232.180.000	479.991.200.000
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	60.311.250.000	30.000.000.000
Công ty Cổ phần GVI	30.372.600.000	15.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	**1.051.229.551.800**	**1.268.825.052.450**
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	837.268.575.000	558.179.050.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	95.717.244.000	526.444.842.000
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	94.495.800.000	101.236.500.000
Công ty Cổ phần Chế tạo điện cơ Hà Nội	23.747.932.800	44.527.374.000
Công ty TNHH Công nghiệp Vật liệu GELEX	-	38.437.286.450
Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	**1.211.313.118.500**
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	1.211.313.118.500

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị (i)	1.186.000.000	976.000.000
Thu nhập Tổng Giám đốc và người quản lý khác (ii)	2.853.000.000	1.369.369.565
Thù lao Ban kiểm soát (ii)	120.000.000	120.000.000
	4.159.000.000	**2.465.369.565**

(i) Bao gồm thù lao, lương và các khoản thu nhập khác của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, cụ thể như sau:

		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Thù lao	**Chức vụ**	**540.000.000**	**360.000.000**
Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	90.000.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT đến ngày 25 tháng 3 năm 2025	-	60.000.000
Ông Đỗ Duy Hưng	Thành viên HĐQT	90.000.000	60.000.000
Ông Đặng Phan Tường	Thành viên HĐQT	90.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Đức Luyện	Thành viên HĐQT	90.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Trọng Trung	Thành viên HĐQT	90.000.000	30.000.000
Lương và các khoản thu nhập khác		**646.000.000**	**616.000.000**
Ông Lê Bá Thọ	Chủ tịch HĐQT	4.000.000	4.000.000
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT đến ngày 25 tháng 3 năm 2025	-	-
Ông Đỗ Duy Hưng	Thành viên HĐQT	214.000.000	184.000.000
Ông Đặng Phan Tường	Thành viên HĐQT	424.000.000	424.000.000
Ông Nguyễn Đức Luyện	Thành viên HĐQT	4.000.000	4.000.000
Tổng cộng		**1.186.000.000**	**976.000.000**

(ii) Bao gồm tiền lương và thu nhập khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, cụ thể như sau:

		Kỳ này	Kỳ trước
Thù lao	**Chức vụ**	**VND**	**VND**
Ông Nguyễn Trọng Trung	Tổng Giám đốc	1.312.000.000	798.000.000
Các thành viên quản lý khác		1.541.000.000	571.369.565
		2.853.000.000	**1.369.369.565**

(iii) Bao gồm thù lao của từng thành viên trong Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, cụ thể như sau:

		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Thù lao	**Chức vụ**		
Ông Đào Viết Đỉnh	Trưởng Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên Ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000
Bà Bùi Thị Trang	Thành viên Ban kiểm soát	30.000.000	30.000.000
		120.000.000	**120.000.000**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	**79.020.929.567**	**36.908.829.352**
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	38.189.226.687	783.427.831
Công ty cổ phần sản xuất máy biến áp truyền tải MEE	26.501.301.945	20.867.426.487
Công ty cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	14.330.400.935	15.257.975.034
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	**1.532.173.107.824**	**1.688.242.390.579**
Công ty TNHH Đầu tư GELEX	1.330.981.327.002	974.816.363.181
Công ty Cổ phần Hạ Tầng GELEX	201.191.780.822	713.426.027.398
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	**6.007.150.685**	**-**
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	6.007.150.685	-
Phải trả người bán ngắn hạn	**60.789.097.289**	**1.794.631.261**
Công ty cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	60.646.682.838	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	142.414.451	1.794.631.261
Người mua trả tiền trước	**8.174.222.143**	**-**
Công ty cổ phần sản xuất máy biến áp truyền tải MEE	8.174.222.143	-
Phải trả dài hạn khác	**986.254.244**	**-**
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	986.254.244	-

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Vũ Thủy Tiên	**Nguyễn Thị Nga**	**Nguyễn Trọng Trung**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
		Người đại diện theo pháp luật

Phê duyệt ngày 27 tháng 8 năm 2026